

PHƯƠNG PHÁP XẾP HẠNG NỘI BỘ DƯỚI HIỆP ƯỚC BASEL II VÀ THỰC TẾ ÁP DỤNG TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

● TRẦN CHÍ CHINH

TÓM TẮT:

Bài viết khái quát hóa quy trình, nội dung và phương pháp luận về sự phê chuẩn đối với phương pháp xếp hạng nội bộ (Internal ratings - based/IRB) dưới Hiệp ước Basel II; phân tích thực tế áp dụng phương pháp IRB tại các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam. Để thực hiện được mục tiêu này, bài viết sử dụng phương pháp tổng hợp, phương pháp thống kê mô tả.

Từ khóa: Phương pháp xếp hạng nội bộ, Hiệp ước Basel II, Hệ số an toàn vốn.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay phương pháp IRB được đưa ra trong Hiệp ước Basel II, được xem là cách tiếp cận mới trong phương pháp luận về sự đo lường rủi ro tín dụng (RRTD) nhằm tính toán hệ số an toàn vốn (Capital adequacy ratio/CAR). Bởi việc sử dụng phương pháp IRB, chúng cho phép tự bản thân các NHTM quyết định lựa chọn hệ thống xếp hạng (HTXH) và ước lượng các thành phần rủi ro; cơ quan giám sát ngân hàng chỉ đóng vai trò là người phê chuẩn để bảo đảm phương pháp IRB của các NHTM đáp ứng được các điều kiện tối thiểu vào thời điểm bắt đầu và trong quá trình vận hành. Do đó, phương pháp IRB có thể thích hợp cho nhiều NHTM với quy mô khác nhau, cấu trúc loại hình kinh doanh và cơ cấu danh mục tài sản rủi ro khác nhau.

Các nghiên cứu đề cập đến phương pháp IRB đã được thực hiện bởi nhiều tác giả trong và ngoài nước; nghiên cứu của Treacy và Carey (2000) về HTXH nội bộ tại các ngân hàng lớn ở Mỹ; nghiên

cứu của Crouhy và ctg (2001) về cách tiếp cận trong đánh giá RRTD thông qua HTXH nội bộ của ngân hàng, đối sánh với HTXH của các tổ chức xếp hạng bên ngoài; nghiên cứu của Global Association of Risk Professionals (2018) về các thành tố RRTD trong phương pháp IRB; nghiên cứu của Dương Thị Hoàn (2018) về việc áp dụng Hiệp ước Basel trong nâng cao chất lượng tín dụng tại các NHTM cổ phần Việt Nam; nghiên cứu của Tô Ngọc Hưng và Phạm Quỳnh Trang (2018) về những vấn đề quan tâm để triển khai Basel II trong quản trị RRTD tại các NHTM Việt Nam. Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu trước đề cập đến phương pháp IRB; tuy nhiên các nghiên cứu này chủ yếu phân tích vai trò, lợi ích hoặc kỹ thuật để áp dụng phương pháp IRB trong quản trị RRTD tại các NHTM. Vì vậy, mục tiêu của bài viết này là khái quát hóa quy trình, phương pháp luận về sự phê chuẩn, các điều kiện cần phải đáp ứng để sử dụng phương pháp IRB trong đo lường RRTD nhằm tính toán CAR.

2. Phương pháp IRB dưới Hiệp ước Basel II

2.1. Phương pháp IRB trong tính toán tài sản có rủi ro

Phương pháp IRB được Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng (Basel Committee on Banking Supervision/BCBS) đưa ra trong Hiệp ước Basel II. Khi đưa ra phương pháp này, BCBS nhắm đến mục tiêu là tạo nên khung phân tích tốt hơn đối với sự điều chỉnh về vốn của các ngân hàng. Bank for International Settlements/BIS (2006) cho thấy, theo khuyến nghị của BCBS, với điều kiện đáp ứng được các yêu cầu tối thiểu nhất định và các yêu cầu về công khai, các ngân hàng nhận được sự chấp thuận của cơ quan giám sát đối với việc sử dụng phương pháp IRB. Có thể dựa vào các ước lượng nội bộ của mình về các thành phần rủi ro để xác định nhu cầu vốn cần thiết cho giá trị chịu rủi ro của tài sản. Các thành phần rủi ro cần ước lượng gồm xác suất vỡ nợ (Probability of default/PD), tổn thất khi vỡ nợ (Loss given default/LGD), giá trị chịu rủi ro tại thời điểm vỡ nợ (Exposure at default/EAD), kỳ hạn (Maturity/M). Đối với các ngân hàng sử dụng phương pháp IRB để đánh giá RRTD và tính toán yêu cầu vốn, BCBS cũng đã đưa ra 2 phương pháp, đó là IRB cơ bản và IRB nâng cao. Nếu sử dụng phương pháp IRB cơ bản, ngân hàng tự ước lượng PD và dựa trên ước lượng của cơ quan giám sát về các thành phần rủi ro còn lại. Nếu sử dụng phương pháp IRB nâng cao, ngân hàng sẽ phải tự ước lượng tất cả các thành phần rủi ro như PD, LGD, EAD và M, nhưng phải tuân theo các chuẩn mực tối thiểu. Đối với cả 2 phương pháp - IRB cơ bản và IRB nâng cao, các ngân hàng luôn phải sử dụng hàm trọng số rủi ro để xác định yêu cầu vốn (CAR) theo quy định của cơ quan giám sát. Cách thức tính toán đối với yêu cầu vốn và tài sản có rủi ro theo khuyến nghị trong Hiệp ước Basel II như sau:

Hệ số rủi ro đối với các khoản phải đòi liên quan đến doanh nghiệp, tổ chức thuộc chính phủ và ngân hàng:

Hệ số tương quan

$$(R) = \frac{0.12 \times (1 - EXP(-50 \times PD))}{1 - EXP(-50)} + \frac{0.24 \times (1 - (1 - EXP(-50 \times PD)))}{1 - EXP(-50)}$$

Riêng đối với các khoản phải đòi liên quan đến doanh nghiệp, các ngân hàng phải tách riêng nhóm doanh nghiệp nhỏ và vừa (theo quy định của Ủy ban Basel: Doanh nghiệp nhỏ và vừa là các doanh nghiệp có doanh thu hàng năm nhỏ hơn 50 triệu EUR) ra khỏi nhóm doanh nghiệp lớn để tính toán riêng. Bởi nhóm doanh nghiệp nhỏ và vừa này sẽ có thêm phần điều chỉnh quy mô trong công thức tính hệ số tương quan, cụ thể công thức tính hệ số tương quan như sau:

$$(R) = \frac{0.12 \times (1 - EXP(-50 \times PD))}{1 - EXP(-50)} + \frac{0.24 \times (1 - (1 - EXP(-50 \times PD)))}{1 - EXP(-50)} - 0.04 \times (1 - \frac{S - 5}{45})$$

- Điều chỉnh kỳ đáo hạn

$$(b) = (0.11852 - 0.05478 \times \ln(PD))^2$$

Yêu cầu vốn cần thiết để dự phòng rủi ro vỡ nợ (K):

$$(K) = (LGD \times N[(1 - R)^{-0.5} \times G(PD) + (\frac{R}{(1 - R)})^{0.5} \times G(0.999)]) - PD \times LGD] \times (1 - 1.5 \times b)^{-1} \times (1 + M - 2.5) \times b)$$

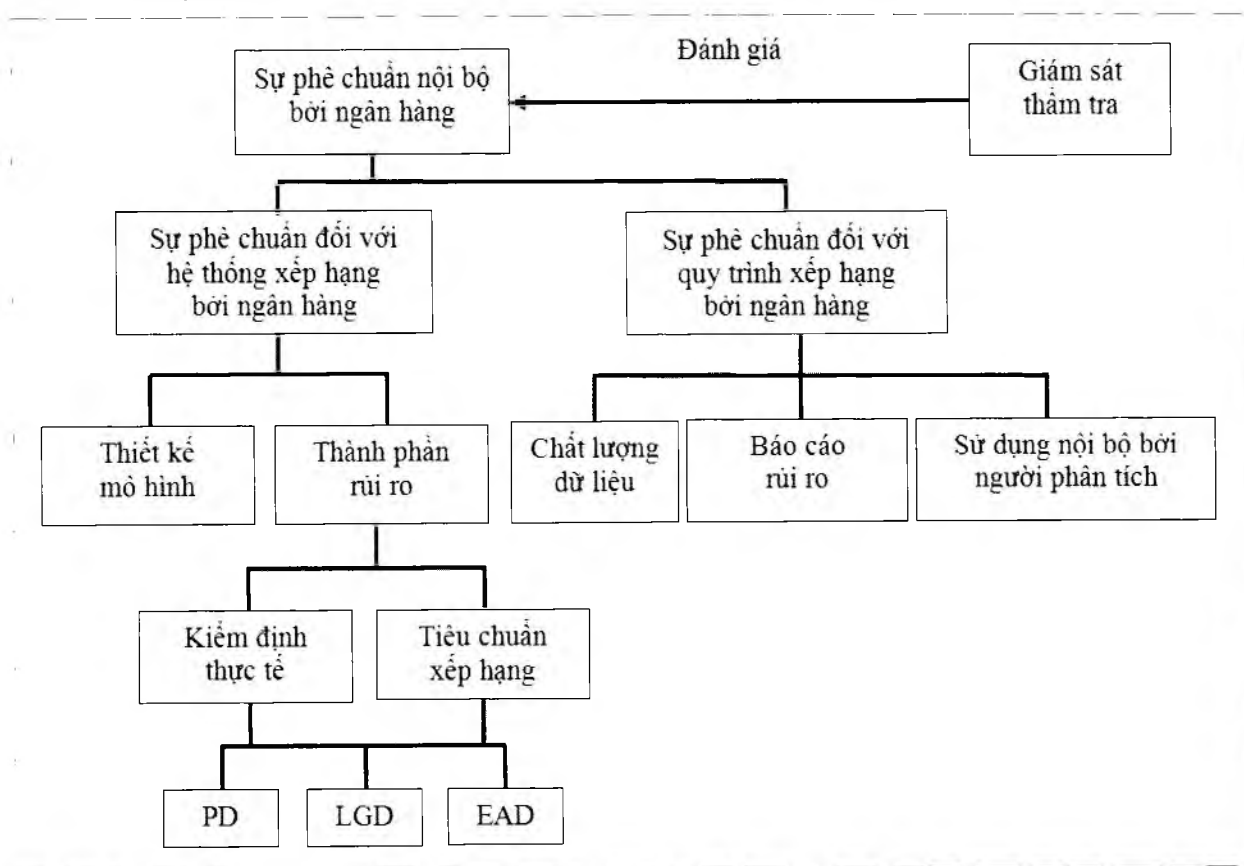
Trong đó: N(x) là hàm phân phối tích lũy cho biến ngẫu nhiên chuẩn, G(y) là hàm ngược của phân phối tích lũy của biến ngẫu nhiên chuẩn. Ngoài ra, khi tính toán đối với yêu cầu vốn (K) theo công thức ở trên, nếu (K) nhỏ hơn 0, ngân hàng sẽ áp dụng (K) là 0 cho đối tượng được tính toán.

Tài sản được quy đổi theo trọng số rủi ro của phương pháp IRB (Risk - weighted assets/RWA): RWA = 12.5 x EAD x K

2.2. Sự phê chuẩn đối với phương pháp IRB

Để có thể sử dụng phương pháp IRB trong đo lường RRTD nhằm tính toán CAR, ngoài sự phê chuẩn bởi chính NHTM, phương pháp IRB của họ phải nhận được phê chuẩn bởi cơ quan giám sát ngân hàng. Đề cập đến sự phê chuẩn đối với phương pháp IRB, BIS (2005) cho thấy trình tự, nội dung và một số nguyên tắc trong phương pháp luận về sự phê chuẩn như sau (Hình 1):

Hình 1: Những thành phần cơ bản trong phương pháp luận về sự phê chuẩn



Nguồn: BIS (2005), *Studies on the Validation of Internal Rating Systems*

Thứ nhất, HTXH nội bộ là một công cụ để ngân hàng ước lượng PD của người vay. Trong khi đó, dưới khung phân tích đối với RRTD của BCBS, PD và 2 thành phần khác là LGD và EAD là các biến số đầu vào chủ yếu để ngân hàng tính toán vốn pháp lý. Vì vậy, sự phê chuẩn đối với PD, LGD, EAD và HTXH nội bộ cơ sở là thành phần chủ yếu trong quá trình xem xét lại của cơ quan giám sát ngân hàng.

Thứ hai, HTXH nội bộ đầu tiên phải được phê chuẩn bởi chính NHTM, sau đó họ sẽ phải chứng minh với cơ quan giám sát về thành quả của HTXH nội bộ, cũng như sự phù hợp và có ý nghĩa của hệ thống ước lượng rủi ro.

Thứ ba, thiết kế phương pháp luận về sự phê chuẩn phụ thuộc vào loại HTXH nội bộ được NHTM lựa chọn. HTXH nội bộ có thể không giống nhau ở các phương pháp khác nhau. Việc NHTM lựa chọn kiểu HTXH nội bộ nào, tùy thuộc vào loại người vay, tính cần thiết trong việc phối bầy rủi ro,

động cơ trong phương pháp luận xếp hạng, khả năng thu thập dữ liệu vỡ nợ và sự đánh giá chất lượng tín dụng của tổ chức bên ngoài.

2.3. Các yêu cầu cần phải đáp ứng để sử dụng phương pháp IRB trong tính toán yêu cầu vốn

Để có thể sử dụng phương pháp IRB trong việc đo lường RRTD nhằm tính toán CAR như khuyến nghị của BCBS, theo BIS (2006), các NHTM cần phải đáp ứng các yêu cầu về phân loại tài sản trên sổ sách của ngân hàng, HTXH nội bộ, dữ liệu, điều kiện tối thiểu tăng thêm khi ước lượng LGD và EAD. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, yêu cầu về phân loại tài sản trên sổ sách của ngân hàng: Các ngân hàng phải phân loại tài sản trên sổ sách của mình thành nhiều nhóm khác nhau, với những tính chất rủi ro đặc thù khác nhau của từng nhóm. Các nhóm tài sản liên quan đến khoản phải đòi đối với các chủ thể là: (a) doanh nghiệp; (b) tổ chức thuộc Chính phủ; (c) ngân hàng; (d) cá nhân, các khoản mục

lẻ và (e) vốn. Về khoản phải đòi đối với các chủ thể là doanh nghiệp, chúng được chia thành 5 nhóm thứ cấp đó là tài trợ dự án, tài trợ tài sản hữu hình, tài trợ vốn lưu động/tài trợ mua hàng, tài trợ kinh doanh bất động sản, tài trợ kinh doanh bất động sản nhiều rủi ro. Còn khoản phải đòi đối với các chủ thể là cá nhân và các khoản mục lẻ, chúng được chia thành 3 nhóm thứ cấp, đó là các khoản tín dụng được bảo đảm bởi các bất động sản là nhà ở, các khoản tín dụng bán lẻ quay vòng đủ tiêu chuẩn, và các khoản tín dụng bán lẻ còn lại.

Thứ hai, yêu cầu về HTXH nội bộ: Chúng phải có 2 tính chất riêng rẽ: (a) rủi ro đối với việc vỡ nợ của người vay, và (b) các nhân tố đặc trưng của giao dịch. Ngoài ra, HTXH nội bộ phải có tối thiểu 7 mức hạng đối với người vay không bị vỡ nợ và tối thiểu một mức hạng đối với người vay bị vỡ nợ. Mỗi mức hạng thì được định rõ bằng việc đánh giá rủi ro của người vay dựa trên nền tảng lý thuyết và bộ tiêu chuẩn xếp hạng riêng biệt nhận được từ việc ước lượng PD. Nói cách khác, HTXH nội bộ phải ấn định được PD đối với mỗi mức hạng của người vay.

Thứ ba, yêu cầu về dữ liệu: bất kể nguồn dữ liệu lấy từ đâu, ngân hàng cũng phải tập hợp đủ dữ liệu ít nhất trong vòng 5 năm để tính PD. Ngân hàng cũng phải chứng minh được rằng mình đã và đang áp dụng HTXH nội bộ thỏa mãn được các yêu cầu tối thiểu được đặt ra bởi BCBS trong vòng ít nhất là 3 năm trước khi được xác nhận đủ tiêu chuẩn.

Thứ tư, yêu cầu về điều kiện tối thiểu tăng thêm khi ước lượng LGD và EAD: các ngân hàng muốn sử dụng các ước lượng của mình đối với LGD và EAD phải đáp ứng được các điều kiện tối thiểu tăng thêm đối với các nhân tố rủi ro theo quy định của BCBS.

3. Thực tế áp dụng phương pháp IRB tại các NHTM Việt Nam

Hiện nay, sự đổi mới phương pháp đo lường RRTD nhằm tính toán CAR không chỉ xuất phát từ nhu cầu thực tế của các NHTM, mà còn là chủ trương, định hướng của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Việt Nam. Cụ thể, để đạt được mục tiêu “tiếp tục lành mạnh hóa tình hình tài chính, nâng cao năng lực quản trị của các tổ

chức tín dụng theo quy định của pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế”, một trong những giải pháp được đưa ra trong Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020” của Thủ tướng Chính phủ (2017), đó là “đổi mới HTXH tín dụng nội bộ”. Trước đó, ngày 17/03/2014, Thống đốc NHNN Việt Nam cũng đã có Công văn số 1601/NHNN-TTGSNH, về việc triển khai thực hiện Basel II trên toàn hệ thống theo lộ trình đến năm 2020, trong đó cũng đã chọn ra 10 NHTM để triển khai Basel II. Và để định hướng, đồng thời tạo hành lang pháp lý cho các NHTM Việt Nam triển khai Basel II nói chung, đổi mới phương pháp đo lường RRTD thông qua phương pháp IRB nói riêng, NHNN Việt Nam cũng đã ban hành nhiều văn bản pháp lý có liên quan, như: Thông tư số 41/2016/TT-NHNN “Quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”, Thông tư số 13/2018/TT-NHNN “Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”, Thông tư số 52/2018/TT-NHNN “Quy định xếp hạng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”.

Thực tế hiện nay tại Việt Nam, bên cạnh một số NHTM trong số 10 NHTM được NHNN chọn thí điểm để triển khai Basel II đã hoàn thiện phương pháp IRB trong đo lường RRTD (dữ liệu được thể hiện ở bảng 1), cũng còn nhiều NHTM chưa xây dựng được phương pháp IRB. Điều này ngoài các nhân tố khách quan, chúng còn bắt nguồn từ nhân tố chủ quan bởi chính một số NHTM Việt Nam, bởi để có thể triển khai thành công phương pháp IRB trong đo lường RRTD nhằm tính toán CAR. Đây không chỉ là việc phải tốn nhiều chi phí, mà còn đòi hỏi các NHTM Việt Nam phải đáp ứng được các điều kiện về nguồn nhân lực, về dữ liệu, về hệ thống công nghệ thông tin. Bên cạnh đó, để có sự đổi mới về phương pháp luận trong đo lường RRTD thông qua phương pháp IRB, đòi hỏi những nhà quản trị cấp cao và những nhà thực hành quản trị RRTD tại các NHTM Việt Nam còn phải có sự đổi mới về nhận thức, quan điểm, qua đó có những hành động để đổi mới đối với phương pháp đo lường RRTD. (Bảng 1)

Bảng 1. Thực tế triển khai phương pháp IRB tại một số NHTM Việt Nam

TT	Ngân hàng (*)	Thực tế triển khai các mô hình đánh giá RRTD và các hợp phần có liên quan đến phương pháp IRB
1	MB	MB đã hoàn thành xây dựng mô hình đo lường xác suất vỡ nợ (PD) và phần mềm tương ứng cho các phân khúc khách hàng (Cá nhân, SME, CIB, FI) theo phương pháp luận tiên tiến, phù hợp với thông lệ, đặc điểm dữ liệu, khách hàng của MB. MB cũng tập trung triển khai các mô hình đo lường rủi ro tín dụng theo phương pháp nâng cao: LGD và EAD, tính toán vốn dựa trên kết quả xếp hạng tín dụng nội bộ.
2	MSB	MSB áp dụng các mô hình xếp hạng cho tất cả các loại khách hàng ở các phân khúc, ngành và sản phẩm khác nhau. Các mô hình xếp hạng này đóng vai trò quan trọng trong quy trình thẩm định tín dụng cũng như quy trình sàng lọc, phê duyệt trước và cảnh báo sớm. Các mô hình bao gồm xếp hạng rủi ro (mô hình PD), ước tính tổn thất (LGD) và ước tính dư nợ tại thời điểm khách hàng không trả được nợ (EAD) được sử dụng để ước tính tổn thất dự kiến để đảm bảo việc tính toán mức ECL phù hợp, cũng như sử dụng cho việc đo lường hiệu suất có điều chỉnh rủi ro và triển khai tính toán khả năng chịu đựng (stress testing).
3	STB	Triển khai cấu phần tư vấn và giải pháp trong cùng một dự án, điển hình là: dự án hoàn thiện khung cơ sở dữ liệu quản lý rủi ro; dự án mô hình lượng hóa rủi ro tín dụng. Tích hợp các tiểu dự án nhỏ có liên quan với nhau thành 1 dự án lớn, điển hình: Dự án "Mô hình lượng hóa rủi ro tín dụng" được tích hợp từ 4 dự án: (1) Xây dựng mô hình ước lượng LGD, EAD cho nhóm khách hàng cá nhân, (2) Xây dựng mô hình ước lượng LGD, EAD cho nhóm khách hàng doanh nghiệp, (3) Xây dựng mô hình PD, A - Card, B - Card và (4) Tái kiểm định và nâng cấp hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ hiện tại. Dự án "Hoàn thiện Khung cơ sở dữ liệu quản lý rủi ro" được tích hợp từ 2 dự án: (1) Hoàn thiện khung cơ sở dữ liệu và (2) Triển khai giải pháp tính toán RWA.
4	TCB	TCB hoàn thành các dự án bao gồm quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP), kiểm tra sức chịu đựng, lập kế hoạch vốn nhằm tiếp tục hoàn thiện và tiệm cận các chuẩn mực Basel II. Bên cạnh đó, TCB sẽ tiếp tục hoàn thiện các mô hình đo lường rủi ro theo các phương pháp nâng cao.
5	VCB	VCB chú trọng trong đầu tư xây dựng các công cụ, mô hình đo lường rủi ro theo các phương pháp tiên tiến. Các mô hình lượng hóa rủi ro đã được xây dựng với tỷ lệ bao phủ gần như toàn bộ danh mục của ngân hàng như mô hình lượng hóa xác suất vỡ nợ (mô hình PD) theo tiêu chuẩn Basel II; mô hình về tổn thất tại thời điểm vỡ nợ (mô hình LGD); mô hình về dư nợ của khách hàng tại thời điểm vỡ nợ (mô hình EAD) cho danh mục bán buôn và bán lẻ.
6	VIB	VIB đã và đang đẩy mạnh đầu tư vào hệ thống, nguồn nhân lực, tập trung triển khai các dự án cải thiện chất lượng dữ liệu, bổ sung sửa đổi các quy trình, hoàn thiện chính sách quản trị rủi ro nhằm hướng tới phương pháp nâng cao, đưa Basel II vào thực tiễn quản trị rủi ro và quản trị kinh doanh.
7	VPB	VPB tiếp tục hoàn thiện và tối ưu hóa các mô hình chấm điểm cho khách hàng, sử dụng dữ liệu nội bộ và các nguồn dữ liệu bổ sung bên ngoài. Các mô hình chấm điểm này đều được tích hợp trên hệ thống khởi tạo khoản vay, giúp chọn lọc khách hàng tiềm năng và giảm thời gian xử lý. Tiếp tục xây dựng, triển khai áp dụng HTXH nhằm hỗ trợ đánh giá rủi ro đối với từng khách hàng, tăng cường tính minh bạch trong quá trình phê duyệt tín dụng, cải thiện tính dự báo và ngăn chặn các rủi ro cũng như gian lận có thể xảy ra.

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ báo cáo thường niên năm 2019 của một số NHTM Việt Nam

4. Kết luận

Trước xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa hiện nay, bên cạnh việc phải cạnh tranh với nhau, các NHTM Việt Nam còn phải cạnh tranh với các NHTM nước ngoài. Để đạt được mục tiêu lợi nhuận và bảo đảm an toàn trong hoạt động cho vay, ngoài việc phải nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua việc đa dạng hóa sản phẩm cho vay, các NHTM Việt Nam cũng cần phải nâng cao năng lực quản trị RRTD thông qua sự đổi mới các công cụ quản trị RRTD, đặc biệt là các công cụ đo lường RRTD phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế. Hiện nay, phương pháp IRB dưới Hiệp ước Basel II, đây được xem là sự đổi mới về phương

pháp luận trong đo lường RRTD. Tuy nhiên, để có thể sử dụng phương pháp IRB trong việc đo lường RRTD nhằm tính toán CAR, đòi hỏi chúng phải nhận được sự phê chuẩn bởi chính NHTM và NHNN Việt Nam. Ngoài ra, cũng cần lưu ý đối với sự phê chuẩn, đặc biệt là sự phê chuẩn của chính NHTM đối với phương pháp IRB, đây là một quy trình lặp đi lặp lại và phải được thực hiện thường xuyên. Bởi phương pháp IRB được xây dựng dựa trên các đặc điểm riêng về tiêu chuẩn RRTD của NHTM trong từng thời kỳ. Vì vậy, chúng cần chính xác và phù hợp với thực tế của NHTM, cũng như cần được cập nhật theo sự thay đổi của khách hàng vay trong từng thời kỳ ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

(*)MB: NHTM cổ phần Quân đội, MSB: NHTM cổ phần Hàng Hải Việt Nam, STB: NHTM cổ phần Sài Gòn Thương Tín, TCB: NHTM cổ phần Kỹ Thương Việt Nam, VCB: NHTM cổ phần Ngoại thương Việt Nam, VIB: NHTM cổ phần Quốc tế Việt Nam. VPB: NHTM cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Báo cáo thường niên (2019), *Trang thông tin điện tử của MB, MSB, STB, TCB, VCB, VIB, VPB*.
2. BIS (2005), *Studies on the Validation of Internal Rating Systems*, truy cập tại https://www.bis.org/publ/bcbs_wp14.pdf
3. BIS (2006), *International Convergence of Capital Measurement and Capital Standards*, truy cập tại <https://www.bis.org/publ/bcbs04a.pdf>
4. Chính phủ (2017), Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 19/07/2017 Phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020”.
5. Crouhy, M., Galai, D. and Mark, R. (2001). Prototype risk rating system. *Journal of Banking and Finance* 25, 47-95.
6. Dương Thị Hoàn (2018), “Áp dụng Hiệp ước Basel trong nâng cao chất lượng tín dụng tại các NHTM cổ phần Việt Nam”, *Tạp chí nghiên cứu Tài chính Kế toán*, 06, 48-55.
7. Global Association of Risk Professionals. (2018). *Financial Risk Manager: Credit Risk Measurement and Management, 7th edn*. UK: Pearson Education, Inc.
8. NHNN Việt Nam (2016), *Thông tư số 41/2016/TT-NHNN* ngày 30/12/2016. “Quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”.
9. NHNN Việt Nam (2018), *Thông tư số 13/2018/TT-NHNN* do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 18/05/2018, “Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”.

10. NHNN Việt Nam (2018), *Thông tư số 52/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 “Quy định về xếp hạng TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài”*.

11. Tô Ngọc Hưng và Phạm Quỳnh Trang (2018), “Những vấn đề quan tâm để triển khai Basel II trong quản trị RRTD tại các NHTM Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng*, 197, 1-7.

12. Treacy, W.F. and Carey, M. (2000). Credit risk rating systems at large US banks”. *Journal of Banking and Finance*, 24, 167-201.

Ngày nhận bài: 4/10/2020

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 14/10/2020

Ngày chấp nhận đăng bài: 24/10/2020

Thông tin tác giả:

ThS. TRẦN CHÍ CHINH

Khoa Ngân hàng - Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

INTERNAL RATING METHOD UNDER BASEL II ACCORD AND PRACTICAL APPLICATION AT VIETNAMESE COMMERCIAL BANKS

● **Master. TRAN CHI CHINH**

Faculty of Banking

Banking University of Ho Chi Minh City

ABSTRACT:

This paper presents the overview of the process, the content and the methodology of the approval of internal rating method under the Basel II Accord. In addition, this paper analyzes the actual implementation of this internal rating method in Vietnamese commercial banks. This paper was conducted by using the synthetical and the analytical approaches, and the descriptive statistical method.

Keywords: Internal rating method, Basel II Accord, capital adequacy ratio.